HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2024/NQ-HĐND	*Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 11 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHOÁ VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Xét Tờ trình số 10631/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Mức thu phí

a) Trường hợp thẩm định hồ sơ cấp giấy phép lần đầu:

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

TT	Nội dung	Mức thu
1	Đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 200 m^3/ngày đêm	590.000
2	Đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 500 m^3/ngày đêm	2.900.000
3	Đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 500 m^3/ngày đêm đến dưới 1000 m^3/ngày đêm	3.900.000
4	Đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 1.000 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm	5.000.000

- Trường hợp gia hạn, điều chỉnh nội dung và cấp lại giấy phép:

+ Mức thu phí thẩm định hồ sơ trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phép lần đầu.

+ Mức thu phí thẩm định hồ sơ trong trường hợp cấp lại do chuyển nhượng

giấy phép khai thác nước dưới đất bằng 30% (ba mươi phần trăm) mức phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phép lần đầu.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết các thủ tục hành chính thông qua Dịch vụ công trực tuyến thì mức thu được tính bằng 60% mức thu phí quy định tại điểm a, b khoản này.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Chế độ thu, nộp: Thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

c) Quản lý và sử dụng phí:

- Cơ quan thu phí được để lại 90%.

- 10 % nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đền lần thứ 20 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: TN&MT; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP Huế;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, LT.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu